TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2022/HC-PT
Ngày 26-4-2022.
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường.**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long.**

Bà **Lê Thúy Cầu.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Nhật** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Chiến -** Kiểm sát viên.

Ngày 26-4-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 281/2021/TLPT-HC ngày 05-10-2021 về việc "Kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", do Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2021/HC-ST ngày 15-7-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1433/2022/QĐ-PT ngày 01-4-2022, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà **H Êban**; địa chỉ cư trú: Buôn K B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lại Tiến D**; địa chỉ cư trú: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị kiện:* **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk**; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Văn C** - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ông **Trần Văn S** - Chức vụ Phó Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Y Êban**, sinh năm 1953; địa chỉ cư trú: Buôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

2. Ông **J Êban**, sinh năm 1954; địa chỉ cư trú: Buôn K B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

3. Bà **E Êban**, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: Buôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

4. Bà **R Êban**, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Buôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Y Êban, ông J Êban, bà E Êban và bà R Êban:

Ông **Lại Tiến D**; địa chỉ cư trú: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện:

Ông Lại Tiến D là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà H Êban; đồng thời, là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Y Êban, ông J Êban, bà E Êban và bà R Êban trình bày:

Nguồn gốc thửa đất tại địa chỉ số 111A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là của gia đình ông M Adrơng tạo lập từ trước năm 1960. Khi ông M Adrơng xin giấy phép xây dựng thì được chế độ cũ phê duyệt tại Họa đồ ngày 03-12-1962, nên đã làm nhà ở trên đất. Tuy nhiên, ngày 10-3-1975 thì nhà cửa bị bom đạn thiêu cháy, gia đình chạy nạn về Buôn T. Sau đó, gia đình ông quay về nhà của mình, thì bị người trong tổ công tác bên cách mạng không cho ở khu vực này, nên gia đình ông về buôn làng làm nương rẫy kiếm sống. Năm 2008, gia đình bà H Êban thay mặt ông M Adrơng khiếu nại, yêu cầu Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Đắk Lắk xin lại lô đất số 111A L, thành phố B thì nhận được Công văn số 1317/UBND-CN ngày 07-4-2009 của UBND tỉnh Đắk Lắk (sau khoảng một hai ngày phát hành) trả lời với nội dung UBND tỉnh đã giải quyết khiếu nại của ông M Adrơng tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001. Sau khi nhận được công văn trả lời số 1317/UBND-CN ngày 07-4-2009 của UBND tỉnh gia đình bà H Êban đi tìm hiểu Quyết định số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001 của UBND tỉnh nhưng vẫn không biết được, nhận được quyết định này để làm căn cứ khiếu nại hoặc khởi kiện ra Tòa án. Tháng 01-2020 gia đình bà H Êban mới có được Quyết định số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001, nên mới làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Từ khi đất nước thống nhất đến nay gia đình bà H Êban không nhận được bất cứ văn bản nào của nhà nước chuyển dịch (lấy đi) quyền của người sử dụng thửa đất của gia đình bà H Êban để giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện

chính sách đất đai của nhà nước. Sau khi biết được nội dung Quyết định số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001 gia đình bà H Êban mới biết trong quyết định này thể hiện Nhà nước đã có văn bản chuyển dịch thửa đất của ông M Adrơng từ Ban kiến thiết sang Công ty lương thực. Như vậy, việc UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành một số quyết định chuyển giao thửa đất từ cơ quan, đơn vị này qua cơ quan đơn vị khác trong khi gia đình ông M Adrơng vẫn đang còn quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam. Việc làm này của UBND tỉnh Đắk Lắk được xem là đã tước đoạt quyền sử dụng đất của gia đình bà H Êban.

- UBND tỉnh Đắk Lắk trả lời tại Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 25-5-2001 sau giải phóng lô đất do Ban kiến thiết Ty Xây dựng tiếp quản là không có căn cứ, đó là ý chí chủ quan;

- Năm 1979, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 510/ QĐ-CT-UB ngày 09-10-1979 là trái pháp luật. Lý do, đất của ông M Adrơng nhưng lại chuyển dịch đất từ ban kiết thiết sang Công ty lương thực;

UBND tỉnh Đắk Lắk áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993 quy định: *"Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng Hòa miền nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam"* là không đúng, vì ông M Adrơng không bị áp dụng chính sách gì để thu hồi đất, chuyển dịch từ ông M Adrơng sang Ban kiến thiết.

Do đó, người khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk.

- Người bị kiện là Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk trình bày:

Căn cứ kết quả thẩm tra, xác minh vụ việc và các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc khiếu nại của ông M Adrơng trú tại Buôn J, xã E, thành phố B, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến sau:

Nội dung ông M Adrơng khiếu nại đòi lại lô đất có diện tích 220 m^2 tại khối 1, phường Ea Tam, thành phố B đã được Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết tại Quyết định số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001.

Theo kết quả thẩm tra xác minh, lô đất ông M Adrơng khiếu nại đòi lại có diện tích 220 m^2 tại khối 1, phường Ea Tam, thành phố B trước giải phóng do gia đình ông M Adrơng sử dụng làm nhà ở. Tháng 3-1975, căn nhà trên trúng bom đạn bị cháy và hư hỏng không sử dụng được, do đó gia đình ông M Adrơng đã chuyển về Buôn J, xã E sinh sống. Sau giải phóng B, Ty Xây dựng tiếp quản lô đất trên và xây dựng trụ sở làm việc của Ban Kiến thiết thuộc Ty. Đến năm 1979, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 510/QĐ-UB ngày 09-10-1979 và Ty Xây dựng ban hành Quyết định số 401/TXD về việc bàn giao khu nhà số 91 đường Đ (trụ sở Ban Kiến thiết) của Ty Xây dựng cho Cửa hàng lương thực số 3, thuộc Ty Lương thực tỉnh (nay là Công ty Lương thực vật tư nông nghiệp tỉnh) quản lý sử dụng đất (có Biên bản bàn giao ngày 16-11-1979) thì khu đất này có tổng diện tích 1.400 m^2

(trong đó có diện tích 220 m^2 đất nêu trên).

Tại khoản 2 Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993 quy định: *"Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng Hòa miền nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam"*. Do đó, việc ông M Adrơng khiếu nại đòi lại lô đất có diện tích 220 m^2 tại khối 1, phường Ea Tam là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001, khi giải quyết khiếu nại đã tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, nên người khởi kiện cho rằng không biết nội dung khiếu nại là không đúng. Quyết định giải quyết khiếu nại đã được ban hành từ năm 2001 nhưng đến năm 2020 gia đình bà H mới tiến hành khởi kiện, nên đã hết thời hiệu khởi kiện. Đề nghị Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện.

Vì vậy, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của người khởi kiện về việc yêu cầu tuyên hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ông Trần Văn Sỹ trình bày:

Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk sau khi ban hành đã gửi cho người khiếu nại bằng đường công văn. Tuy nhiên, bưu điện có quy định sau hai năm sẽ xóa bỏ các thông tin, nên không còn tài liệu để cung cấp cho Tòa án.

Về nguồn gốc đất: Lô đất ông M Adrơng đòi lại có diện tích 220 m^2 tại khối 1, phường Ea Tam, thành phố B trước giải phóng do gia đình ông M Adrơng sử dụng làm nhà ở, sau giải phóng gia đình ông M không còn sử dụng. Sau đó, Ty Xây dựng tiếp quản khu đất có tổng diện tích 1.400 m^2, trong đó có diện tích 220 m^2 đất mà ông M đã làm nhà ở trước đó để xây dựng trụ sở làm việc của Ban Kiến thiết thuộc Ty. Đến năm 1979, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 510/QĐ-UB ngày 09-10-1979 và Ty Xây dựng ban hành Quyết định số 401/TXD về việc bàn giao khu nhà số 91 đường Đ (trụ sở Ban Kiến thiết) của Ty Xây dựng cho Cửa hàng lương thực số 3, thuộc Ty Lương thực tỉnh (nay là Công ty Lương thực vật tư nông nghiệp tỉnh) quản lý sử dụng đất. Như vậy, Nhà nước đã quản lý và sử dụng đất.

Sau giải phóng, các trường hợp có tài sản nhà cửa, cây lâu năm thì Nhà nước mới thực hiện trưng thu hoặc trưng mua. Đối với trường hợp gia đình ông M trước giải phóng có làm nhà trên đất, nhưng sau giải phóng đã không còn nhà ở và cũng không sinh sống trên đất. Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993 để ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001, không chấp nhận đơn khiếu nại của ông M Adrơng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà H Êban.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2021/HCST ngày 15-7-2021, Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh Đắk Lắk:

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 115, Điều 116, khoản 1 Điều 158; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố Tụng hành chính, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H Êban

1. Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của ông M Adrơng.

2. Hủy một phần Quyết định số 510/QĐ-UB ngày 09-10-1979 của UBND tỉnh Đắk Lắk; hủy một phần Quyết định số 401/TXD của Ty xây dựng về việc Ban kiến thiết Ty xây dựng giao khu đất và nhà số 91 đường Đ, thị xã B cho Ty lương thực (nay là Công ty Cổ phần lương thực vật tư nông nghiệp Đắk Lắk) quản lý, trong đó có diện tích đất của ông M Adrơng.

3. Hủy Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 03-6-2009 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi 176 m^2 đất của Công ty Cổ phần lương thực vật tư nông nghiệp Đắk Lắk giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh quản lý.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 05-8-2021, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 05-8-2021, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo vắng mặt, nhưng có văn bản giữ nguyên các nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H Êban; người khởi kiện có mặt tại phiên tòa, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi các đương sự tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

- Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu của người khởi kiện.

[2]. Xét kháng cáo của đương sự:

Người bị kiện kháng cáo toàn bộ bản án, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các vấn đề:

[2.1]. Về tố tụng:

[2.1.1]. Về việc xét xử vắng mặt:

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Võ Văn Cảnh là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án vắng mặt người bị kiện là đúng quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính.

[2.1.2]. Về thời hiệu khởi kiện:

Năm 2000, ông M Adrơng (sau đây viết tắt là ông M) làm đơn khiếu nại đòi lại đất. Ngày 25-5-2001, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-CT-UB với nội dung bác đơn khiếu nại của ông M (bút lục 19, 20).

Người bị kiện cho rằng Quyết định giải quyết khiếu nại đã được ban hành từ năm 2001, nhưng đến năm 2020 gia đình bà H Êban mới tiến hành khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, căn cứ hồ sơ do người bị kiện cung cấp, thì không có tài liệu, chứng cứ thể hiện đã giao Quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện gia đình bà H Êban đã biết được nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi ông M chết, bà H Êban (là con gái ông M) đại diện gia đình tiếp tục làm đơn khiếu nại, yêu cầu UBND tỉnh Đắk Lắk trả lại lô đất tại số 111A L, thành phố B cho gia đình bà. Ngày 07-4-2009, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Công văn số 1317/UBND-CN (bút lục số 17), trả lời với nội dung UBND tỉnh đã giải quyết khiếu nại của ông M Adrơng tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001. Ông Lại Tiến D đại diện theo ủy quyền của bà H Êban trình bày gia đình bà H Êban đã nhận được Công văn số 1317/UBND-CN vào năm 2009, nhưng không được nhận, không được biết và không được thấy nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk. Tại Công văn số 4818/UBND-CN ngày 03-6-2021, UBND tỉnh Đắk Lắk cũng xác định khi gửi Công văn số 1317/UBND-CN ngày 07-4-2009, UBND tỉnh không gửi kèm Quyết định số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001 cho bà H Êban. Công văn số 1503/STNMT-Ttra ngày 10-6-2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường thể hiện Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001 và gửi qua đường bưu điện, nhưng do quá lâu hiện không còn lưu trữ các văn bản chứng minh cho việc giao nhận quyết định trên. Do đó, lời trình bày của ông Lại Tiến D về việc gia đình ông M Adrơng chưa nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk là có cơ sở.

Theo ông Lại Tiến D trình bày, thì sau khi gia đình bà H nhận được Công văn số 1317/UBND-CN ngày 07-4-2009 của UBND tỉnh Đắk Lắk, bà H tiếp tục làm

đơn kiến nghị trả lại đất gửi đến Thanh tra Chính phủ. Ngày 15-6-2011 Văn phòng Thanh tra Chính phủ ban hành Công văn số 3096/HD-VP (bút lục số 18) hướng dẫn bà H Eeban gửi đơn đến Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc làm đơn khởi kiện tại Tòa án, kèm theo Công văn 3096/HD-VP Thanh tra Chính phủ trả lại đơn kiến nghị trả lại đất ở cho bà H Reo Êban (đơn kiến nghị ông D đã giao nộp cho Tòa án). Gia đình bà H lựa chọn hình thức khởi kiện tại Tòa án theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ, nhưng thời điểm đó gia đình bà không biết được nội dung cũng như không được nhận Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001 nên không có cơ sở để làm đơn khởi kiện. Sau đó, gia đình bà H đi tìm hiểu và đến tháng 01-2020 gia đình bà mới xin được bản Photocoppy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại đối với đơn của ông M Adrơng tại Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk.

Như vậy, tất cả các đơn gửi đến các cơ quan có thẩm quyền từ địa phương đến Trung ương, gia đình bà H Êban chỉ kiến nghị đòi lại đất, không có tài liệu nào thể hiện khiếu nại Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk. Do đó, có đủ căn cứ xác định thời điểm gia đình bà H Êban nhận được, biết được nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk vào tháng 01-2020. Ngày 06-02-2020 bà H Êban làm đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk là còn trong thời hiệu khởi.

[2.1.3]. Về thẩm quyền giải quyết:

Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 510/QĐ-UB ngày 09-10-1979 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 401/TXD của Ty Xây dựng về việc Ban kiến thiết Ty Xây dựng và Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 03-6-2009 của UBND tỉnh Đắk Lắk là các quyết định có nội dung "làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân…" nên là quyết định hành chính và là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Bà H Êban cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình mình bị ảnh hưởng bởi các quyết định nêu trên, nên khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định này là đúng đối tượng và thẩm quyền giải quyết.

[2.1.4]. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện của bà H Êban còn trong thời hiệu nên thụ lý, giải quyết và xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" là đúng quy định tại khoản 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 115 và điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[2.2]. Về nội dung:

Xét Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định giải quyết khiếu nại:

Sau khi nhận đơn của ông M Adrơng; ngày 25-5-2001, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ký Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-CT-UB là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 1 của Luật Khiếu nại tố cáo ngày 02-12-1998 (sửa đổi, bổ sung năm 2005)

Hồ sơ và các tài liệu, chứng cứ do UBND tỉnh Đắk Lắk cung cấp thể hiện: Ngày 23-10-2000, UBND tỉnh Đắk Lắk nhận được đơn của ông M Adrơng với nội dung xin trả lại đất mặt bằng nhà cũ, đòi lại lô đất có diện tích 220 m^2 tại khối 1, phường Ea Tam, thành phố B. Ngày 30-10-2000 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Công văn số 2077/CV-UB, với nội dung chỉ đạo Sở Địa chính kiểm tra báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét đơn của ông M Adrơng là đúng thời hạn thụ lý đơn được quy định tại Điều 4 của Luật Khiếu nại tố cáo năm 1998.

Tại Điều 36 của Luật Khiếu nại tố cáo năm 1998 quy định: *"Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.*

Ở vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết".

Như vậy, ngày 23-10-2000, UBND tỉnh Đắk Lắk nhận được đơn của ông M Adrơng, nhưng đến ngày 25-5-2001, Chủ tịch UBND tỉnh mới ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-UBND là vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại.

- Về nội dung giải quyết khiếu nại:

+ Về nguồn gốc đất:

Các bên đương sự cùng thừa nhận thửa đất có diện tích 220 m^2 tại khối 1, phường Ea Tam, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trước giải phóng do gia đình ông M Adrơng sử dụng làm nhà ở (theo Giấy họa đồ nhà ở của ông M ngày 03-12-1962, Giấy cho phép ông M Adrơng xây cất nhà số 170/XCB ngày 15-10-1964 tại buôn Alêa, xã Cư Ebư, quận Ban Mê Thuột - bút lục số 13).

+ Quá trình quản lý, sử dụng đất:

Sau khi được chế độ cũ cấp phép, gia đình ông M Adrơng đã tiến hành xây dựng nhà ở và sinh sống trên diện tích đất này. Tháng 3-1975, do chiến tranh căn nhà bị trúng bom cháy và hư hỏng không sử dụng được, nên gia đình ông M Adrơng mới chuyển về buôn J, xã E sinh sống (nội dung này đã được thể hiện trong quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-UBND).

Người khởi kiện cho rằng sau khi chiến sự ổn định, gia đình ông M Adrơng có trở lại thửa đất nêu trên của gia đình để kiến thiết nhà cửa, nhưng bị những người trong tổ công tác xua đuổi. Sau đó, do thấy phần đất của gia đình ông M Adrơng không có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi, không có sự kiến thiết nào trên lô đất, nên gia đình ông M Adrơng mới làm đơn khiếu nại đòi

lại đất.

Tại Điều 26 của Luật Đất đai năm 1993 quy định: *"Nhà nước thu hồi toàn bộ hoặc một phần đất đã giao sử dụng trong những trường hợp sau đây:*

1. Tổ chức sử dụng đất bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm nhu cầu sử dụng đất mà không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 30 của Luật này; cá nhân sử dụng đất đã chết mà không có người được quyền tiếp tục sử dụng đất đó;

2. Người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất được giao;

3. Đất không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liền mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất đó cho phép;

4. Người sử dụng đất cố ý không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước;

5. Đất sử dụng không đúng mục đích được giao;

6. Đất được giao không theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 23 và Điều 24 của Luật này" và tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 181/2004-NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai quy định: *"1. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất và không xem xét giải quyết khiếu nại về việc đòi lại đất mà Nhà nước đã giao cho người khác sử dụng theo các chính sách ruộng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trong các trường hợp sau:*

a) Đất bị tịch thu, trưng thu, trưng mua khi thực hiện cải cách ruộng đất ở miền Bắc; chính sách xoá bỏ triệt để tàn tích chiếm hữu ruộng đất và các hình thức bóc lột thực dân, phong kiến ở miền Nam;

b) Đất đã hiến tặng cho Nhà nước, cho hợp tác xã và tổ chức khác, cho hộ gia đình, cá nhân;

c) Đất đã góp vào hợp tác xã nông nghiệp theo quy định của Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp bậc cao;

d) Đất thổ cư mà Nhà nước đã giao cho người khác để làm đất ở; đất ở và đất vườn đã giao lại cho hợp tác xã để đi khai hoang; ruộng đất đã bị thu hồi để giao cho người khác hoặc điều chỉnh cho người khác khi giải quyết tranh chấp ruộng đất;

đ) Đất đã chia cho người khác khi hưởng ứng cuộc vận động san sẻ bớt một phần ruộng đất để chia cho người không có ruộng và thiếu ruộng tại miền Nam sau ngày giải phóng".

Như vậy, việc gia đình ông M Adrơng không tiếp tục sử dụng đất là do hoàn cảnh chiến tranh và sau này được trả lời diện tích đất của ông do các cơ quan Nhà nước tiếp quản, chứ không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi toàn bộ hoặc một phần đất đã giao sử dụng theo quy định tại khoản 3, điều 26 của Luật Đất đai năm 1993 và cũng không thuộc trường hợp đất đã giao cho người khác sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 181/2004-NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính phủ như viện dẫn trên.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại cũng như quá trình tham gia tố tụng, người bị kiện xác định sau giải phóng Ty Xây dựng tiếp quản lô đất có diện tích

1.400 m^2 để xây dựng trụ sở làm việc của Ban Kiến thiết thuộc Ty (trong đó có đất của ông M làm nhà ở trước đây). Năm 1979, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 510/QĐ-UB ngày 09-10-1979 và Ty Xây dựng ban hành Quyết định số 401/TXD về việc Ban kiến thiết Ty Xây dựng giao khu đất và nhà số 91 đường Đ, thị xã B cho Ty lương thực quản lý, sử dụng. Ngày 03-6-2009, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1359/QĐ-UBND thu hồi 176 m^2 đất của Công ty Cổ phần lương thực vật tư nông nghiệp Đắk Lắk giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh quản lý.

Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Mục 5 phần V Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07-4-2017 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ, thì các Quyết định số 510/QĐ-UB ngày 09-10-1979, Quyết định số 401/TXD, Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 03-6-2009 là quyết định hành chính có liên quan trong vụ án, nên cần được xem xét mới giải quyết triệt để vụ án.

Tại Điều 1 Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26-11-2003 của Quốc hội quy định về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01-7-1991 quy định: *"... Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất".*

Các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp thể hiện sau giải phóng Ty Xây dựng tiếp quản diện tích đất. Năm 1979, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 510/QĐ-UB ngày 09-10-1979 và Ty Xây dựng ban hành Quyết định số 401/TXD về việc Ban kiến thiết Ty Xây dựng giao khu đất và nhà 91 đường Đ, thị xã B cho Ty lương thực quản lý, sử dụng. Như vậy, năm 1979, UBND tỉnh Đắk Lắk có ban hành văn bản để Ty lương thực tỉnh quản lý đất, nhưng trên thực tế thể hiện các cơ quan Nhà nước không tiến hành quản lý, bố trí sử dụng đối với diện tích đất của gia đình ông M Adrơng mà cho bà Dương Thị Thu Sương thuê đất từ năm 1992 để làm nhà ở tạm. Việc Ty Lương thực tỉnh cho bà Sương thuê đất là không đúng quy định của pháp luật đã được thể hiện trong Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-UBND. Hiện nay, bà Sương đã tháo dỡ tài sản trên đất của ông M Adrơng. Do đó, có đủ cơ sở để xác định sau giải phóng đến nay, lô đất của gia đình ông M Adrơng chưa được các cơ quan Nhà nước quản lý, bố trí sử dụng như quy định tại Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26-11-2003 của Quốc hội.

Điều 5 Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02-4-2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải quyết một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01-7-1991 quy định:

"Đối với nhà đất đã có văn bản quản lý theo quy định của chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991 của cơ quan Nhà nước nhưng thực tế Nhà nước chưa quản lý, chưa bố trí sử dụng nhà đất đó thì giải quyết như sau:

1. Trường hợp nhà đất mà người đang trực tiếp sử dụng có các giấy tờ chứng minh thuộc một trong các đối tượng dưới đây thì Nhà nước không tiếp tục thực hiện việc quản lý trước đây và người đang trực tiếp sử dụng được thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật:

a) Người là chủ sở hữu nhà đất tại thời điểm Nhà nước có văn bản quản lý".

Điều 5 Nghị định số 127/2005/NĐ-CP ngày 10-10-2005 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 23/2002/QH11 ngày 26-11-2003 và Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02-4-2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 12/2003 và Nghị quyết số 755/2005 quy định:

"Đối với nhà đất mà Nhà nước đã có văn bản quản lý, nhưng trên thực tế Nhà nước chưa quản lý, chưa bố trí sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 thì giải quyết như sau:

1. Trường hợp người đang trực tiếp sử dụng nhà đất là chủ sở hữu, thì phải có giấy tờ chứng minh là chủ sở hữu nhà tại thời điểm Nhà nước có văn bản quản lý làm cơ sở để được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nhà đất đó".

Từ những nhận định và viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định phần diện tích đất của gia đình ông M Adrơng không có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi và Nhà nước cũng chưa quản lý, chưa bố trí sử dụng, trong khi ông YMan Adrơng có giấy tờ chứng minh là chủ sở hữu (Giấy họa đồ nhà ở của ông M ngày 03-12-1962, Giấy cho phép ông M xây cất nhà số 170/XCB ngày 15-10-1964 tại Buôn Alêa, xã Cư Ebư, quận Ban Mê Thuột - là một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất và đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013).

Do đó, việc Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993: *"Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng Hòa miền nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam"* để không chấp nhận đơn khiếu nại đòi lại đất của ông M Adrơng là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm *"Chấp nhận đơn khởi kiện của bà H Êban; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông M Adrơng; hủy một phần Quyết định số 510/QĐ-UB ngày 09-10-1979 của UBND tỉnh Đắk Lắk, hủy một phần Quyết định số 401/TXD của Ty Xây dựng về việc Ban kiến thiết Ty xây dựng giao khu đất và nhà 91 đường Đ, thị xã B cho Ty lương thực quản lý và sử dụng trong đó có diện tích đất của ông M và hủy Quyết định số 1359/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk ngày 03-6-2009 về việc thu hồi 176 m^2 đất của Công ty Cổ phần lương thực vật tư nông nghiệp Đắk Lắk giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh quản lý"* là có căn cứ, đúng pháp luật.

Như vậy, kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

- Không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2021/HC-ST ngày 15-7-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 115, Điều 116, khoản 1 Điều 158; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H Êban.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1495/QĐ-CT-UB ngày 25-5-2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông M Adrơng.

- Hủy một phần Quyết định số 510/QĐ-UB ngày 09-10-1979 của UBND tỉnh Đắk Lắk; hủy một phần Quyết định số 401/TXD của Ty xây dựng về việc Ban kiến thiết Ty xây dựng giao khu đất và nhà số 91 đường Đ, thị xã B cho Ty lương thực (nay là Công ty Cổ phần lương thực vật tư nông nghiệp Đắk Lắk) quản lý trong đó có diện tích đất của ông M Adrơng.

- Hủy Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 03-6-2009 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi 176 m^2 đất của Công ty Cổ phần lương thực vật tư nông nghiệp Đắk Lắk giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh quản lý.

3. Về án phí hành chính:

Căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 32, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3.1. Về án phí sơ thẩm:

- Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

- Bà H Êban không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; trả lại H Êban 300.000 đồng (ba trăm nghìn sồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0008477 ngày 25-02-2020 (do ông Lại Tiến D nộp thay) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3.2. Về án phí phúc thẩm:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0007520 ngày 27-8-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk; UBND tỉnh Đắk Lắk đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo đ/chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Việt Cường